PHÒNG GD- ĐT QUỲNH PHỤ
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN KHÊ

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KỲ I
Năm học 2022-2023
Môn: Tiếng Anh lớp 1
(Thời gian 20 phút làm bài)

SBD: .....Lớp 1.....

Điểm	Nhận xét của thầy, cô giáo ....

Exercise 1: Look and match. (Nhìn và nối)

1 apple 

2 cup 

3 ball 

4 hand 

5 door 

6 goat 

Exercise 2: Look and circle (Nhìn và khoanh tròn vào từ đúng với tranh)

1. 	Bell	Ball	Book
2. 	Chicken	Fish	Milk
3. 	Touch your hair	Touch your head	Touch your hand
4. 	a hat	a can	a bag

LIVEWORKSHEETS

Exercise 3 Look and write.(Chọn chữ cái trong ngoặc, điền vào chỗ trống để được từ đúng)

1. _____ake (b / c / a)
2. _____og (b / d / g)
3. ch_____ps (i / e / a)
4. r_____ d (i / e / a)
5. _____arden (g / h / d)
6. ____orse (d / h / d)

Exercise 4: Look and tick (✓) or cross (✖)(Đọc và đánh dấu ☑ hoặc dấu X)





1. This is a duck. ☐

2. I have a pencil. ☐



3. A dog. ☐



4. There is a ball on the desk ☐

Exercise 5: Look and write

1. There is a.....	
2.This is a …….....……..	
3. I like…….....……	
4.There is a ……..……on the desk	

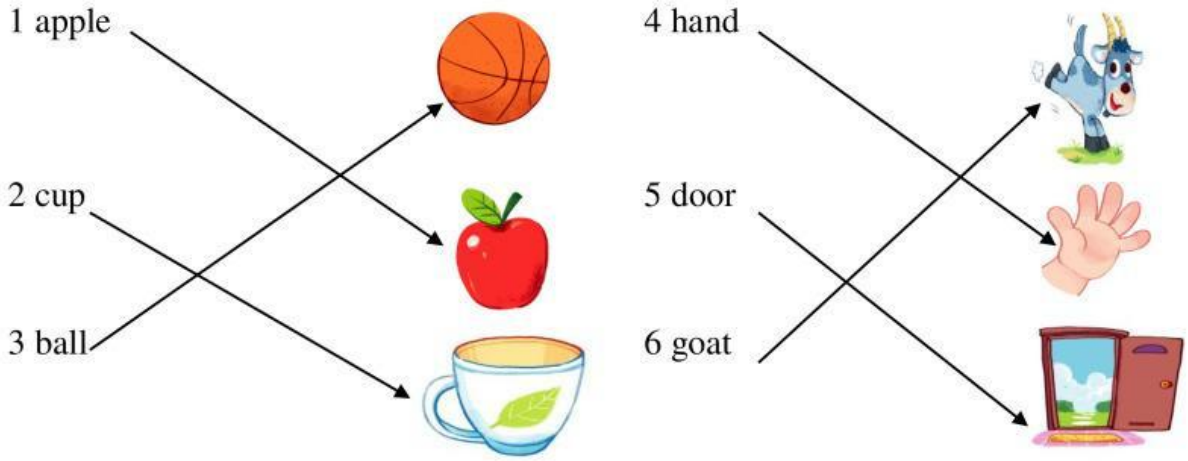
LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

PHÒNG GD- ĐT QUỲNH PHỤ
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN KHÊ

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
CUỐI HỌC KỲ I 2022-2023
Môn: Tiếng Anh lớp 1

Bài 1: 3 điểm. *Mỗi đáp án chính xác 0,5 điểm.*



Bài 2: 2 điểm. *Mỗi đáp án chính xác 0,5 điểm.*

1 bell	2 chicken	3 Touch you hair	4 a hat

Bài 3: 2,4 điểm. *Mỗi đáp án chính xác 0,4điểm.*

1 c	*2 d*	*3 i*	*4 e*	*5 g*	*6 h*

Bài 4: 1,6 điểm. *Mỗi đáp án chính xác 0, 4 điểm.*

1 **X**	*2* ☑	*3* **X**	*4* **X**

Bài 5: 1 điểm. *Mỗi đáp án chính xác 0,25 điểm.*

1 girl	*2 bike*	*3 milk*	*4 cat*

Tổng điểm: 10 điểm.

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

MA TRẬN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I LỚP 1
NĂM HỌC 2022-2023

Kỹ năng	Nhiệm vụ đánh giá/ kiến thức cần đánh giá	Mức/ Điểm			Tổng số câu, số điểm, tỷ lệ %
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Reading and write	**1. Look and match. (Nhìn và nối)** *Apple, cup, ball, hand, door, goat*	6 3,0			*6* câu 3 điểm
	2: Look and circle (Nhìn và khoanh tròn vào từ đúng với tranh) *bell, chicken, Touch you hair, a hat.*	*2* *1,0*	*2* *1,0*		*4* câu *2* điểm
	3. Look and write. (Nhìn và viết) *Cake,dog, chips, red, garden, horse.*	*3* *1,2*	*3* *1,2*		*6* câu 2,4 điểm
	4. Look and tick or cross. (Đọc và đánh dấu ☑ hoặc dấu X) This is a duck. I have a pencil. A dog. There is a ball on the desk.		*2* *0,8*	*2* *0,8*	*4* câu 1,6 điểm
	5. Look and write. (Nhìn tranh và viết từ) Girl, bike, milk, cat		*2* *0,5*	*2* *0,5*	4câu 1 điểm
Tổng		11- 45,8%	9- 37,5%	4- 16,6%	

An Khê, ngày 21 tháng 12 năm 2022
Người lập

LIVEWORKSHEETS